CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Số/No: 654 /2026/TB-VFCVND-TGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2026

Hanoi, 26 November 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/ *To* :
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ The *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ *Viet Nam Securities Depository And Clearing Corproration*
- Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ *Authorized Participants and Investors*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management Company:* Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát/ Vietnam *Fortune Fund Management Joint Stock Company*
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:* Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành/ *Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch*
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ *VFCVN DIAMOND ETF*
- Mã chứng khoán/ *Securities code:* **FUETPVND**
- Địa chỉ/ *Address* : Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội/ *11F, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Van Mieu-Quoc Tu Giam Ward, Ha Noi*

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:*
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **25/11/2026**
- Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF tương đương 100,000 chứng chỉ quỹ ETF/ *1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Components and weighting:*

STT/*Order*	Mã chứng khoán/*Securities Code*	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) *Volume/Amount*	Tỷ lệ % trong danh mục/ *Weight (%)*
I. Chứng khoán/*Stock*		**891,515,000**	**98.74%**
1	ACB	2,600	5.69%
2	BMP	100	1.44%
3	CTD	300	2.43%
4	CTG	600	2.02%
5	FPT	2,300	11.93%
6	GMD	2,600	14.95%
7	HDB	2,700	6.52%
8	MBB	3,500	7.02%
9	MSB	400	0.73%
10	MWG	1,900	14.92%
11	NLG	1,600	4.19%
12	OCB	600	0.71%
13	PNJ	2,300	3.21%
14	REE	1,200	6.18%
15	TCB	4,100	9.42%
16	TPB	600	0.82%
17	VPB	2,900	6.57%
II. Tiền/*Cash*		**11,356,267**	**1.26%**
III. Tổng/*Total* (=I+II)		**902,871,267**	**100%**

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value:*
- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value:* 891,515,000 VND
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF:* 902,871,267 VND
- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value:* 11,356,267 VND

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With subscription order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

+ Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền *(nếu có) / In case stock can be replaced by cash:*

Mã chứng khoán/*Securities Code*	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/ *Cash amount is replaced for 1 share (VND)*	Đối tượng áp dụng/ *Applied investors*	Lý do/ *State the Reason*
FPT	51,535	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ *Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company*	Hạn chế đầu tư cổ phiếu của người liên quan /*Restrictions on investment in related person shares*
TPB	13,585	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ *Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company, Tien Phong Securities Joint Stock Company*	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ, Nhà Đầu Tư hạn chế đầu tư /*Restrictions on investment in parent company shares, Investor is restricted from investing.*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ *State if component securities shall have corporate action (if any):*
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other information (if any):*

Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria*

Chỉ tiêu/ *Criteria*	Kỳ này/ *This period 25/11/2026(*)*	Kỳ trước/ *Last period 23/11/2026(*)*	Chênh lệch/ *Changes*
1. Số lô đã phát hành thêm/ *Creation Units were issued*			-
2. Số lô đã mua lại/ *Creation Units were redeemed*			-
3. Tổng số lượng CCQ đã đăng ký niêm yết/ *Issued Shares*	5,600,000	5,600,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ *Close Price*	9,030	9,530	- 500
5. Giá trị tài sản ròng/ *Net Asset Value:*			
của quỹ ETF/*of the Fund*	50,560,790,956	50,313,457,728	247,333,228
của một lô ETF/*per Creation Unit*	902,871,267	898,454,602	4,416,665
của một chứng chỉ quỹ/*per Share*	9,028.71	8,984.54	44.17
6. Chỉ số tham chiếu/ *Benchmark Index*	2,008.74	2,014.79	-6.05

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 24/11/2026/Item 5 is net asset value calculated as at November 24, 2026
(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 22/11/2026/Item 5 is net asset value calculated as at November 22, 2026

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised representative of Fund Management Company

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT, L=Quận Hai Bà Trưng, ST=HÀ NỘI, UID=MST:0102636355
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.26 14:43:04+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.2

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

GIÁM ĐỐC PHÁP CHẾ
Nguyễn Thị Lệ Quyên